

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-PT

Ngày: 24-02-2023

V/v: Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng
đất; Chia thừa kế theo pháp luật; Yêu
cầu hủy quyết định cá biệt là giấy
chứng nhận quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diệu

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Trang

Bà Ninh Thị Kiều Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân
tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2022/TLPT-DS ngày 14 tháng
11 năm 2022 về việc “*Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất; chia thừa kế theo
pháp luật; yêu cầu hủy quyết định cá biệt là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”
theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm
2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 01 năm 2023
giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Tăng Thị H, sinh năm: 1939 (có mặt);

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông NLQ1, sinh năm: 1973 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn C3, xã A, huyện I, tỉnh Ninh Thuận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông NBV - Trợ
giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Ninh Thuận (có

mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Mai Văn T, sinh năm: 1982 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn C2, xã A, huyện I, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông NĐD1, sinh năm: 1962.

Địa chỉ: Số X đường G, khu phố Y, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Ông NLQ1, sinh năm: 1973 (có mặt);

3.2. Bà NLQ2, sinh năm: 1959 (vắng mặt);

3.3. Ông NLQ3, sinh năm: 1970 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn C3, xã A, huyện I, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện hợp pháp của bà NLQ2: Ông NLQ1, sinh năm: 1973 (có mặt).

3.4. Bà Nguyễn Thị Loan, sinh năm: 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện Th, tỉnh Ninh Thuận.

3.5. Ông NLQ5, sinh năm: 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn M, xã S, huyện Th, tỉnh Ninh Thuận.

3.6. Bà NLQ6, sinh năm: 1967 (có mặt);

3.7. Anh NLQ7, sinh năm: 1993 (vắng mặt);

3.8. Anh NLQ8, sinh năm: 2000 (vắng mặt);

3.9. Anh NLQ9, sinh năm: 1990 (vắng mặt);

3.10. Chị NLQ10, sinh năm: 1984 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn C3, xã A, huyện I, tỉnh Ninh Thuận.

3.11. Ủy ban nhân dân huyện I.

Đại diện hợp pháp: Ông NĐD2 - Phó chủ tịch Ủy ban nhân huyện I (vắng mặt).

Địa chỉ: Số Z đường C, thị trấn K, huyện I, tỉnh Ninh Thuận.

4. *Người kháng cáo*: Cụ Tăng Thị H và anh Mai Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Thửa đất số 208, tờ bản đồ 45-4, diện tích 172m² tại thôn C2, xã A, huyện I, tỉnh Ninh Thuận là tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn Văn U và cụ Tăng Thị H tạo lập trước năm 1974, trên đất có 02 căn nhà, trong đó 01 căn nhà đã bị đổ do xuống cấp và 01 căn nhà còn lại tồn tại đến năm 2009 thì anh Mai Văn T đập đi xây nhà mới nên hiện tại cả hai căn nhà cũ của vợ chồng cụ H và cụ U đều không còn.

Cụ H và cụ U có 6 người con là Nguyễn Văn P, NLQ1, NLQ2, NLQ4, NLQ5 và NLQ3. Cụ U chết năm 1975, không để lại di chúc.

Anh Mai Văn T là con riêng của ông Nguyễn Văn P. Ông P là người trực tiếp ở trên thửa đất 208 với cụ H, cụ U từ nhỏ cho đến năm 2003 thì ông P có nhà và ra ở riêng.

Anh Mai Văn T cùng chung sống và ở trên thửa đất 208 với vợ chồng ông P cũng như cụ H từ năm 13-14 tuổi cho đến nay.

Năm 2003, do cha anh T là ông P xây nhà ở riêng, anh T không có chỗ ở nào khác nên cụ H và các con có bàn bạc, thống nhất là để cho vợ chồng anh T – chị NLQ10 ở tại nhà đất này với điều kiện anh T phải thờ cúng ông bà nội và nuôi dưỡng bà nội lúc tuổi già. Năm 2009, vợ chồng anh T tự ý đập căn nhà cũ để xây nhà cấp 4 trên thửa 208, gia đình cụ H biết nhưng không có ý kiến phản đối gì. Xây nhà xong vợ chồng anh T – chị NLQ10 đưa di ảnh cụ U về thờ; tuy nhiên, ngay lần làm giỗ đầu tiên tại nhà mới, vợ chồng anh T không làm tròn nghĩa vụ thờ cúng. Năm 2017, ông P chết, do có mâu thuẫn về việc cúng giỗ giữa cụ H và anh T nên cụ H đã mang di ảnh của cụ U về thờ tại nhà ông NLQ1. Năm 2019, cụ H mới làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) và được Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện I cấp GCNQSDĐ số CQ 120296 ngày 03/9/2019 đối với thửa đất số 208, tờ bản đồ 45-4, diện tích 172m² đứng tên cụ Tăng Thị H. Cụ H khởi kiện anh T và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Yêu cầu anh T trả lại đất cho cụ toàn bộ thửa đất 208, tờ bản đồ số tờ bản đồ 45-4 xã C.

- Yêu cầu anh T phải tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà để trả lại đất trống cho gia đình cụ.

Hiện nay cụ H đang ở với con trai là ông NLQ1, cụ H không có chỗ ở nào khác.

Chi phí thẩm định, định giá: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của bị đơn là ông NĐD trình bày:

Anh Mai Văn T là con riêng của ông Nguyễn Văn P và là cháu nội của cụ H và cụ U.

Về nguồn gốc thửa đất 208, tờ bản đồ số 45-4 xã A như lời trình bày của phía nguyên đơn là đúng sự thật.

Thửa đất 208 này cụ H và những người thừa kế của cụ H, cụ U đã tặng cho vợ chồng anh T vào năm 2003. Khi tặng cho vợ chồng anh T thửa đất 208, cụ H vẫn còn đang chung sống với vợ chồng anh T và do vợ chồng anh T trực tiếp chăm sóc. Khi cụ H và những người con của cụ H, cụ U tặng cho vợ chồng anh thửa 208 thì có kèm theo điều kiện là vợ chồng anh phải có trách nhiệm thờ cúng ông nội là cụ U và chăm sóc, nuôi dưỡng cụ H đến hết đời. Việc tặng cho thửa đất 208 giữa các bên cũng chỉ bằng lời nói, không làm giấy tờ gì về việc tặng cho này.

Năm 2009, vợ chồng anh phá bỏ nhà cũ của cụ H và xây dựng 01 căn nhà cấp 4 cụ H và những người con của cụ H biết và không có ý kiến gì.

Năm 2017, do việc làm giỗ cụ U có mâu thuẫn nên cụ H không ở nhà anh T nữa mà hiện nay cụ H ở nhà ông NLQ1.

Cụ H được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 208 vào năm nào thì anh T không biết.

Về yêu cầu khởi kiện của cụ H, phía bị đơn có ý kiến như sau: Bị đơn anh T không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của cụ H, vì thực tế thửa đất 208 đã được cụ H và những người thừa kế của cụ U tặng cho anh với điều kiện anh phải thờ cúng ông nội và nuôi dưỡng cụ H khi về già.

Tại đơn phản tố đề ngày 05/01/2020, anh T có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn U.

Ngày 01/10/2021, ông Huỳnh E là đại diện hợp pháp của anh Mai Văn T có đơn bổ sung đơn phản tố với yêu cầu hủy GCNQSDĐ mà UBND huyện I đã cấp cho cụ H thửa 208, tờ bản đồ số 45-5 xã A.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn rút một phần yêu cầu phản tố đối với nội dung yêu cầu chia thừa kế là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 208, còn các yêu cầu khác giữ nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông/bà NLQ2, NLQ3, Nguyễn Thị Loan, NLQ5, NLQ1: Thống nhất với ý kiến mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã trình bày, không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với bên bị đơn chị NLQ10: Thống nhất với ý kiến của đại diện hợp pháp bị đơn và không bổ sung gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà NLQ6 đồng thời là đại diện theo ủy quyền anh NLQ8, anh NLQ7, anh NLQ9: Thống nhất ý kiến của bị đơn và không có ý kiến gì. Thửa đất này cụ H đã cho vợ chồng anh T – chị NLQ10 nên vợ chồng anh T mới xây nhà. Việc cúng giỗ vợ chồng anh T vẫn thực hiện nhưng không được như yêu cầu của gia đình cụ H nên mới có tranh chấp như hôm nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân huyện I trình bày:

Việc cấp GCNQSDĐ thửa 208 cho cụ H là đúng theo trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đất đai nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

1. Căn cứ vào: Điều 217, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ U là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 208.

2. Căn cứ vào: Các điều 26, 35, 39, 147, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 3 của BLDS năm 2015, các điều 166, 623 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 12, 14, 15, 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Tăng Thị H đối với bị đơn anh Mai Văn T về việc kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất đối với diện tích 172m².

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc tháo dỡ toàn bộ tài sản xây dựng trên diện tích 172m².

- Buộc vợ chồng anh Mai Văn T – chị NLQ10 có nghĩa vụ trả cho cụ Tăng Thị H thửa đất số 416, tờ bản đồ 45-4, diện tích 57m² đất ở tại nông thôn theo trích lục bản đồ địa chính ngày 08/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh I (tách ra từ thửa 208 tọa lạc tại C2, A, I, Ninh Thuận đã được cấp GCNQSD đất số CQ 120296 ngày 03/9/2019 cho cụ Tăng Thị H.). Trên đất có 01 cái giếng xây gạch của gia đình cụ H, phần đổ đất nâng nền 24,63m³ và tường thành xây gạch táp lo diện tích 24, 48m². Cụ H có nghĩa vụ hoàn lại giá trị tài sản trên đất là cho anh T – chị NLQ10. Tổng số tiền là 7.634.672^d – làm tròn là 7.634.000^d (*Bảy triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn đồng*).

- Giao cho vợ chồng anh Mai Văn T – chị NLQ10 được quyền sử dụng thửa đất số 415, tờ bản đồ 45-4, diện tích 115m² đất ở tại nông thôn theo trích lục bản đồ địa chính ngày 08/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh I (tách ra từ thửa 208 tọa lạc tại C2, A, I, Ninh Thuận đã được cấp GCNQSD đất số CQ 120296 ngày 03/9/2019 cho cụ Tăng Thị H. Trên đất có các tài sản của vợ chồng anh T – chị NLQ10 gồm: nhà cấp 4B, nhà vệ sinh cấp 4C, mái tôn xô xi măng gắn liền diện tích nền xi măng phía trước, phía sau, hàng rào lưới B40 hướng giáp đường đi.

Đương sự có có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Theo trích lục bản đồ địa chính ngày 08/9/2022 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh I.

Anh Mai Văn T – chị NLQ10 có nghĩa vụ hoàn trả giá trị quyền sử dụng đất đối với 115m² đất cho cụ H với số tiền là 683.560.000^d (*Sáu trăm tám mươi ba triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng*).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/9/2022, cụ Tăng Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện I với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả lại toàn bộ thửa 208 cho cụ H.

Ngày 22/9/2022, anh Mai Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện I với nội dung:

- Không đồng ý với yêu cầu kiện đòi 86m² đất thuộc một phần thửa số 208, tờ bản đồ số 45-4 xã A là phần di sản của cụ Nguyễn Văn U chết để lại trong khối tài sản chung của vợ chồng cụ Nguyễn Văn U cụ Tăng Thị H.

- Yêu cầu giao phần diện tích đất $86m^2$ thuộc một phần thửa số 208, tờ bản đồ số 45-4 xã A của cụ Tăng Thị H có trong khối tài sản chung cho anh Mai Văn T quản lý, sử dụng. Anh T đồng ý hoàn trả giá trị $86m^2$ đất này cho cụ H.

- Yêu cầu xem xét lại đối với giá đất mà Hội đồng định giá cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với thửa số 208, tờ bản đồ số 45-4 xã A, huyện I.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- *Về tố tụng*: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung*: Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút hoặc thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo.

Bị đơn rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Căn cứ Điều 289, 312 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Cụ Tăng Thị H cùng những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phía cụ H là ông NLQ1, ông NLQ5, ông NLQ3, bà NLQ4, bà NLQ2 và anh Mai Văn T cùng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía anh T là chị NLQ10 đã thỏa thuận:

Anh T đồng ý giao trả toàn bộ diện tích $172m^2$ thuộc thửa 208 cho cụ H.

Anh T và chị NLQ10 đồng ý giao lại toàn bộ các tài sản do vợ chồng anh chị tạo lập trên thửa đất 208 cho cụ H và cụ H được quyền sở hữu các tài sản trên thửa đất 208 do vợ chồng anh T chị NLQ10 giao, gồm: 01 căn nhà cấp 4 mái lợp tôn Proximăng có diện tích $57,36m^2$, 01 nhà vệ sinh diện tích $4,42m^2$, 01 mái hiên lợp tôn Proximăng, cột gỗ, 01 nền xi măng phía dưới mái hiên lợp tôn Proximang; 01 mái hiên phía sau căn nhà cấp 4 lợp tôn Proximăng; 01 nền xi măng phía sau căn nhà cấp 4B, 01 bờ tường thành phía đông xây bằng gạch taplo; 01 hàng rào bằng lưới B40 giáp đường đi cao 1,4m dài 7,3m. Anh T, chị NLQ10 yêu cầu cụ H có

nghĩa vụ hoàn trả giá trị các tài sản trên đất do vợ chồng anh T, chị NLQ10 tạo lập là 200.000.000đ.

Cụ H và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông NLQ1, bà NLQ4, ông NLQ5, bà NLQ2, ông NLQ3 đồng ý hoàn trả cho vợ chồng anh T, chị NLQ10 giá trị của các tài sản mà anh T, chị NLQ10 tạo lập trên thửa 208 với số tiền là 200.000.000đ. Cụ H và các ông/bà NLQ1, NLQ4, NLQ5, NLQ3, NLQ2 thỏa thuận chia phần số tiền hoàn trả cho anh T, chị NLQ10 200.000.000đ, cụ thể như sau: Các ông/bà NLQ1, NLQ4, NLQ5, NLQ2, NLQ3 mỗi người là 40.000.000đ. Anh T, chị NLQ10 đồng ý với thỏa thuận phân chia số tiền hoàn trả của các ông/bà trên.

[3] Về án phí: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm. Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho các đương sự kháng cáo.

Án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau:

Ông NLQ1, bà NLQ4, ông NLQ5, bà NLQ2, ông NLQ3 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000đ $[(200.000.000đ : 5 = 40.000.000đ/người) \times 5\% = 2.000.000đ/người]$.

Do bà NLQ2 là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà NLQ2.

[4] Về chi phí đo đạc, định giá tại cấp phúc thẩm: Anh T đã nộp đủ và không yêu cầu giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự,

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh Ninh Thuận.

Áp dụng các điều 289, 300 và 312 Bộ luật tố tụng dân sự,

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Mai Văn T.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Anh Mai Văn T đồng ý giao trả 172m² đất thuộc thửa đất số 208, tờ bản đồ số 45-4 xã A, huyện I cho cụ Tăng Thị H.

Anh Mai Văn T và chị NLQ10 đồng ý giao các tài sản trên thửa đất số 208 cho cụ Tăng Thị H và cụ Tăng Thị H được quyền sở hữu các tài sản trên thửa đất số 208 do vợ chồng anh Mai Văn T, chị NLQ10 giao, gồm: 01 căn nhà cấp 4B tường xây, mái lợp tôn Proximăng có diện tích 57,36m²; 01 nhà vệ sinh diện tích 4,42m²; 01 mái hiên lợp tôn Proximăng, cột gỗ; 01 nền xi măng phía dưới mái hiên lợp tôn Proximăng; 01 mái hiên phía sau căn nhà cấp 4 lợp tôn Proximăng; 01 nền xi măng phía sau căn nhà cấp 4B; 01 bờ tường thành phía đông xây bằng gạch taplo; 01 hàng rào bằng lưới B40 giáp đường đi cao 1,4m, dài 7,3m.

Ông NLQ1, bà NLQ4, ông NLQ5, bà NLQ2, ông NLQ3 liên đới hoàn trả giá trị các tài sản của anh Mai Văn T, chị NLQ10 giao cho cụ Tăng Thị H trên thửa đất số 208 là 200.000.000đ, cụ thể: ông NLQ1, bà NLQ4, ông NLQ5, bà NLQ2, ông NLQ3, mỗi người phải trả cho anh Mai Văn T và chị NLQ10 số tiền 40.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Các ông/bà NLQ1, NLQ4, NLQ5, NLQ3 mỗi người phải chịu 2.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà NLQ2.

Anh Mai Văn T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho anh T 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0007079 ngày 18/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện I, tỉnh Ninh Thuận.

Cụ Tăng Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 24/02/2023).

Nơi nhận:

- Đương sự (13);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện I (1);
- Chi cục THADS huyện I (1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Diệu